

Số: ..... /STNMT-QLĐĐ

Điện Biên, ngày tháng 9 năm 2020

V/v triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Triển khai thực hiện Văn bản số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện; Văn bản số 2304/UBND-KTN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 1708/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Kế hoạch lập Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 2564/UBND-KTN ngày 31 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh.

Để có cơ sở tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố một số nội dung sau:

1. Khẩn trương triển khai thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với các công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thông qua việc thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác; hoàn thiện hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trước khi triển khai thực hiện thi công công trình, dự án.

2. Báo cáo cụ thể tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020; Đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Theo đề cương báo cáo, danh mục các công trình dự án gửi kèm biểu 01, 02, 03; đồng thời cung cấp các thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan đến dự án các cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư; các dự án trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố).

3. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình, dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận và thông qua từ năm 2015 đến năm 2020 (theo mẫu biểu số 04, 05 kèm theo).

4. Rà soát, tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thông qua (theo biểu mẫu số 06, 07 kèm theo).

5. Báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày **10/10/2020** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định (file số gửi về địa chỉ Email: [phongquanlydatdai.stnmt@gmail.com](mailto:phongquanlydatdai.stnmt@gmail.com), liên hệ đồng chí Hương điện thoại 0988.211.558).

(File số Danh mục công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thông qua từ năm 2015 đến năm 2020 được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ Website: <http://tnmtdienbien.gov.vn>)

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chi cục QLDD;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đăng Nam**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
**THỜI KỲ 2011-2020 TRÊN ĐỊA BÀN; ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG**  
**ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.**

**I- Tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020**

**II- Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020**

**1. Kết quả thực hiện**

a) Chỉ tiêu sử dụng đất của từng loại đất:

b) Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất khác thời kỳ 2011-2020; trong đó xác định rõ việc chuyển mục đích đối với các loại đất, cụ thể:

- Đất trồng lúa (*đất chuyên trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ và đất trồng lúa nương*);

- Đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (*trong đó diện tích rừng tự nhiên*)

c) Danh mục dự án đã thực hiện: trong đó:

+ Danh mục dự án, công trình đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận việc thu hồi đất;

+ Danh mục dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận việc thu hồi đất.

**2. Đánh giá kết quả đạt được và những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.**

a) Những mặt được

b) Tồn tại, vướng mắc

**3. Đề xuất, kiến nghị**

**III- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050** (*Ghi chú: Gửi kèm Sơ đồ, bản đồ hoặc trích lục, trích đo khu đất; các Văn bản, các cơ sở pháp lý để xác định nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất*)

**IV- Đề xuất danh mục công trình, dự án thuộc trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thông qua việc thu hồi đất, việc sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.**

**BIỂU 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011-2020**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm 2011	Năm 2015		Năm 2020	
				Phê duyệt	Thực hiện	Phê duyệt	Thực hiện
(1)	(2)	(3)					
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
	<i>Trong đó: Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt</i>	LUC					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH					
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD					
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC					
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT					
-	Đất giao thông	DGT					
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT					
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD					
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT					
-	Đất công trình năng lượng	DNL					
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV					
-	Đất thủy lợi	DTL					
-	Đất chợ	DCH					
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn	DDT					

	hóa						
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.16	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.17	Đất cơ sở tôn giáo	TON					
2.18	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
2.19	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.20	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.21	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.22	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.23	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.24	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.25	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>					
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>					
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>					
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>					

**BIỂU 02: DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG  
KỶ QUY HOẠCH PHÂN BỐ ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP  
XÃ CỦA CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 2011-2020**

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã ...	Xã ...	Xã ...	...
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ...+(...)	(5)	(6)	(7)	(...)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước 2 vụ</i>	<i>LUC/PNN</i>					
	<i>Đất trồng lúa nước 1 vụ</i>	<i>LUK/PNN</i>					
	<i>Đất trồng lúa nương</i>	<i>LUN/PNN</i>					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN					
	<i>Trong đó: đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên</i>	<i>RPH/PNN</i>					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN					
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN					
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN					
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm ( <i>ghi rõ lúa nước 2 vụ, lúa nước 1 vụ, lúa nương</i> )	LUA/CLN					
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng ( <i>ghi rõ lúa nước 2 vụ, lúa nước 1 vụ, lúa nương</i> )	LUA/LNP					
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản ( <i>ghi rõ lúa nước 2 vụ, lúa nước 1 vụ, lúa nương</i> )	LUA/NTS					
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi	HNK/NTS					

	trồng thủy sản						
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU					
2.6	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)					
2.7	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)					
2.8	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)					
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR<sup>(a)</sup></i>					
2.9	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT					

(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác.

PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.





**BIỂU 04: KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

*Đơn vị tính: ha*

Stt	Danh mục dự án	Diện tích (HĐND tỉnh chấp thuận)	Diện tích đo đạc thực tế		Tiến độ thực hiện dự án	Dự án quá 3 năm chưa thực hiện đề nghị hủy bỏ	Địa điểm	Ghi chú (HĐND tỉnh thông qua tại NQ số)
			Đã xong thu hồi đất	Chưa xong tiếp tục thực hiện				
<b>I</b>	<b>Năm 2015</b>							
1	Dự án A				Đang thực hiện		Cấp xã	
2	Dự án ...				(Đo đạc quy chủ, giải phóng mặt bằng...) Chưa thực hiện			Nghị quyết số.../NQ-HĐND...; Văn bản thường trực HĐND tỉnh
<b>II</b>	<b>Năm 2016</b>							
1	Dự án A							
<b>III</b>	<b>Năm 2017</b>							
<b>IV</b>	<b>Năm 2018</b>							
<b>V</b>	<b>Năm 2019</b>							
<b>VI</b>	<b>Năm 2020</b>							
	<b>Tổng cộng</b>							



**BIỂU 06: DANH MỤC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

*Đơn vị tính: ha*

<b>Stt</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Diện tích sử dụng đất</b>	<b>Trong đó: đất rừng sản xuất</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Căn cứ pháp lý thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Dự án A			Cấp xã	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, chủ trương đầu tư, Văn bản bố trí vốn <i>(ghi đầy đủ tên Văn bản, ngày tháng năm, cơ quan ban hành, nội dung trích yếu)</i>	Đất rừng sản xuất ghi rõ đất rừng tự nhiên, đất rừng trồng...
2	Dự án B			Cấp xã		
3	....					
4	....					
	<b>Tổng cộng</b>					

*Ghi chú: Gửi kèm theo bản phôi tô Sơ đồ, bản đồ hoặc trích lục, trích đo khu đất, các văn bản pháp lý quyết định phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, chủ trương đầu tư, Văn bản bố trí vốn.*

**BIỂU 07: DANH MỤC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

Stt	Danh mục dự án	Diện tích sử dụng đất	Chia ra các loại đất					Đất rừng phòng hộ	Đất khác ...	Địa điểm	Cơ sở pháp lý thực hiện	Ghi chú
			Đất trồng lúa	Trong đó								
				Đất trồng lúa 2 vụ	Đất trồng lúa 1 vụ	Đất trồng lúa nương						
1	Dự án A								Cấp xã	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, chủ trương đầu tư, Văn bản bố trí vốn	Đất rừng phòng hộ ghi rõ đất rừng tự nhiên, ...	
2	Dự án B							Cấp xã				
3	...											
	<b>Tổng cộng</b>											

*Ghi chú: Gửi kèm theo bản phô tô Sơ đồ, bản đồ hoặc trích lục, trích đo khu đất, các văn bản pháp lý quyết định phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, chủ trương đầu tư, Văn bản bố trí vốn.*